

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BẮC NINH**

**TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM**

# THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu của cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm, năm học 2022 - 2023**

### A. Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu

[illegible]

|   |                                   |   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|---|-----------------------------------|---|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| đ | Khối ngành<br>V                   | 0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|   | Ngành...                          |   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| e | Khối ngành<br>VI                  | 0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|   | Ngành...                          |   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|   | Khối ngành<br>VII                 | 0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|   | Ngành...                          |   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Giảng viên<br>cơ hữu môn<br>chung |   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**B. Công khai thông tin về danh sách chi tiết đội ngũ giảng viên cơ hữu theo khối ngành**

| STT      | Họ và tên             | Năm sinh   | Giới tính | Chức danh | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành giảng dạy |
|----------|-----------------------|------------|-----------|-----------|------------------|------------------------|
| <b>I</b> | <b>Khối ngành I</b>   |            |           |           |                  |                        |
| 1        | Nguyễn Hữu Tuyến      | 06/3/1968  | Nam       | GVC       | TS               | Toán                   |
| 2        | Nguyễn Thị Thương     | 18/11/1973 | Nữ        | GVC       | ThS              | QLGD                   |
| 3        | Nguyễn Thanh Chuân    | 17/06/1970 | Nam       | GVC       | ThS              | T.Nga                  |
| 4        | Nguyễn Thị Thuý Hà    | 14/08/1974 | Nữ        | GVC       | TS               | Hoá                    |
| 5        | Nguyễn Thị Hồng Nhung | 18/09/1979 | Nữ        | GVC       | ThS              | Văn                    |
| 6        | Trần Thị Hương Mai    | 27/03/1978 | Nữ        | GVC       | ThS              | KTCN                   |
| 7        | Nguyễn Hữu Tuấn       | 02/02/1992 | Nam       | GV        | ThS              | QLGD                   |
| 8        | Vương Thị Luận        | 27/08/1975 | Nữ        | GVC       | ThS              | TLGD                   |
| 9        | Ngô Duy Nam           | 27/05/1977 | Nam       | GVC       | ThS              | Tin                    |

|    |                        |            |     |     |     |          |
|----|------------------------|------------|-----|-----|-----|----------|
| 10 | Phan Thị Ngân          | 02/08/1985 | Nữ  | GV  | ThS | TLGD     |
| 11 | Đặng Thị Thanh Mai     | 07/08/1973 | Nữ  | GVC | TS  | Sinh     |
| 12 | Lưu Thị Ngọc Tuyết     | 18/09/1981 | Nữ  | GVC | TS  | Sử       |
| 13 | Đỗ Thị Loan            | 10/12/1976 | Nữ  | GVC | ThS | Sinh     |
| 14 | Nguyễn Thị Dung        | 16/03/1987 | Nữ  | GV  | ThS | KTCN     |
| 15 | Hà Thị Ngân            | 02/02/1969 | Nữ  | GV  | ThS | Hoá      |
| 16 | Lại Thị Hằng           | 16/12/1987 | Nữ  | GV  | ThS | TLGD     |
| 17 | Nguyễn Văn Minh        | 03/01/1962 | Nam | GVC | ThS | Toán     |
| 18 | Nguyễn Quốc Tuấn       | 26/10/1976 | Nam | GVC | ThS | Mĩ thuật |
| 19 | Vũ Thị Việt Thái       | 05/12/1980 | Nữ  | GV  | ThS | Thể dục  |
| 20 | Nguyễn Thị Nhung       | 25/01/1975 | Nữ  | GV  | ThS | GDMN     |
| 21 | Nguyễn Thị Lập         | 28/05/1974 | Nữ  | GVC | ThS | T.Anh    |
| 22 | Hoàng Thị Thu Hà       | 25/01/1977 | Nữ  | GV  | ThS | Sinh     |
| 23 | Nguyễn Thị Thắng       | 07/07/1982 | Nữ  | GVC | TS  | Văn      |
| 24 | Vương Hồng Nhung       | 29/09/1987 | Nữ  | GVC | ThS | Văn      |
| 25 | Nguyễn Thị Thiêm       | 24/10/1986 | Nữ  | GV  | ThS | Văn      |
| 26 | Trần Thuý Hằng         | 29/12/1986 | Nữ  | GV  | ThS | Văn      |
| 27 | Phùng Thị Hiền         | 08/10/1986 | Nữ  | GV  | ThS | Văn      |
| 28 | Ngô Thị Lanh           | 22/10/1987 | Nữ  | GV  | ThS | Văn      |
| 29 | Nguyễn Thị Nguyệt      | 18/08/1981 | Nữ  | GVC | ThS | Văn      |
| 30 | Nguyễn Thị Thảo Nguyên | 26/04/1988 | Nữ  | GV  | ThS | Toán     |
| 31 | Nguyễn Thị Thuý Vân    | 13/08/1988 | Nữ  | GV  | ThS | Toán     |
| 32 | Trần Quốc Việt         | 10/05/1985 | Nam | GV  | ThS | Toán     |
| 33 | Trần Thị Hồng Minh     | 13/08/1976 | Nữ  | GVC | ThS | GDMN     |
| 34 | Trịnh Thị Ngà          | 15/09/1979 | Nữ  | GVC | ThS | GDMN     |
| 35 | Nguyễn Thị Dư          | 11/04/1976 | Nữ  | GVC | ThS | GDMN     |
| 36 | Lưu Thị Thanh Hương    | 13/04/1987 | Nữ  | GV  | ThS | GDMN     |
| 37 | Bùi Thị Thu Thuý       | 17/10/1991 | Nữ  | GV  | ThS | GDMN     |
| 38 | Vũ Thị Ánh Ngọc        | 10/10/1985 | Nữ  | GV  | ThS | GDMN     |
| 39 | Nguyễn Thị Thu Hằng    | 28/11/1986 | Nữ  | GV  | ThS | Sinh     |
| 40 | Phan Thị Hiền          | 12/11/1977 | Nữ  | GVC | ThS | Sử       |

|    |                       |            |     |     |     |           |
|----|-----------------------|------------|-----|-----|-----|-----------|
| 41 | Nguyễn Bích Quyên     | 13/04/1986 | Nữ  | GV  | ThS | Sinh      |
| 42 | Dương Đình Thắng      | 03/10/1965 | Nam | GVC | ThS | Sử        |
| 43 | Ngô Sách Đăng         | 08/12/1983 | Nam | GVC | ThS | Toán      |
| 44 | Nguyễn Thị Huế        | 10/03/1981 | Nữ  | GV  | ThS | Văn       |
| 45 | Lê Thị Thuỳ Linh      | 18/06/1986 | Nữ  | GVC | ThS | Vật lý    |
| 46 | Nguyễn Thị Hương Dung | 25/08/1972 | Nữ  | GV  | ThS | Hoá       |
| 47 | Trần Quang Bắc        | 07/05/1967 | Nam | GVC | ThS | Địa       |
| 48 | Nguyễn Thị Thanh Tâm  | 30/01/1985 | Nữ  | GV  | ThS | Tin       |
| 49 | Nguyễn Hương Giang    | 21/09/1980 | Nữ  | GV  | ThS | Tin       |
| 50 | Đàm Công Thắng        | 07/01/1984 | Nam | GV  | ThS | Tin       |
| 51 | Đặng Cao Sơn          | 10/08/1967 | Nam | GV  | ThS | Âm nhạc   |
| 52 | Nguyễn Văn Sinh       | 14/05/1968 | Nam | GV  | ThS | Âm nhạc   |
| 53 | Dương Tố Nga          | 29/06/1969 | Nữ  | GV  | ĐH  | Âm nhạc   |
| 54 | Nguyễn Văn Thuy       | 26/11/1976 | Nữ  | GV  | ĐH  | Âm nhạc   |
| 55 | Trần Hùng Viện        | 22/05/1984 | Nam | GV  | ThS | Âm nhạc   |
| 56 | Vũ Thị Loan           | 14/05/1970 | Nữ  | GV  | ThS | Mĩ thuật  |
| 57 | Nguyễn Thị Phúc Oanh  | 02/06/1971 | Nữ  | GV  | ThS | Mĩ thuật  |
| 58 | Trương Thị Hồng My    | 05/06/1979 | Nữ  | GVC | ThS | Mĩ thuật  |
| 59 | Ngô Khánh Quân        | 05/07/1967 | Nam | GV  | ĐH  | Mĩ thuật  |
| 60 | Dương Biên Hoà        | 06/12/1964 | Nam | GVC | ThS | Thể dục   |
| 61 | Nguyễn Như Trung      | 22/08/1974 | Nam | GV  | ThS | Thể dục   |
| 62 | Nguyễn Thế Cường      | 28/11/1987 | Nam | GV  | ĐH  | Thể dục   |
| 63 | Ngô Vũ Sơn            | 09/01/1967 | Nam | GV  | ThS | QPAN      |
| 64 | Nguyễn Đức Tài        | 26/06/1987 | Nam | GV  | ĐH  | QPAN      |
| 65 | Nguyễn Thị Thu Viện   | 23/06/1972 | Nữ  | GVC | ThS | T.Anh     |
| 66 | Nguyễn Thị Phương Mai | 21/09/1974 | Nữ  | GVC | ThS | T.Anh     |
| 67 | Nguyễn Văn Thuật      | 28/11/1968 | Nam | GV  | ThS | T.Anh     |
| 68 | Nguyễn Thị Hồng Vân   | 16/10/1974 | Nữ  | GV  | ThS | T.Anh     |
| 69 | Nguyễn Thị Mỹ Hạnh    | 18/11/1973 | Nữ  | GV  | ThS | T.Anh     |
| 70 | Nguyễn Hữu Niên       | 12/10/1974 | Nam | GVC | TS  | Chính trị |

|    |                      |            |     |     |     |           |
|----|----------------------|------------|-----|-----|-----|-----------|
| 71 | Đỗ Thị Nguyệt        | 14/06/1969 | Nữ  | GV  | ThS | Chính trị |
| 72 | Lưu Thị Hường        | 17/01/1984 | Nữ  | GVC | ThS | Chính trị |
| 73 | Nguyễn Thị Huệ       | 16/01/1986 | Nữ  | GV  | ThS | Chính trị |
| 74 | Hoàng Minh Loan      | 22/08/1985 | Nữ  | GV  | ThS | Chính trị |
| 75 | Nguyễn Thị Minh Châu | 05/12/1992 | Nữ  | GV  | ThS | Chính trị |
| 76 | Nguyễn Thị Thu Hà    | 05/09/1975 | Nữ  | GVC | ThS | TLGD      |
| 77 | Hà Duy Tá            | 20/11/1966 | Nam | GVC | ThS | TLGD      |
| 78 | Nguyễn Thị Hạnh Ngọc | 16/10/1982 | Nữ  | GV  | ThS | TLGD      |
| 79 | Nguyễn Thị Hằng      | 04/11/1980 | Nữ  | GV  | ThS | TLGD      |
| 80 | Đào Lan Hương        | 18/01/1984 | Nữ  | GV  | TS  | TLGD      |
| 81 | Vương Thị Thanh Thủy | 19/04/1978 | Nữ  | GV  | ThS | TLGD      |
| 82 | Phạm Thị Hải         | 07/03/1988 | Nữ  | GV  | ThS | Chính trị |
| 83 | Vương Thị Thủy       | 19/04/1988 | Nữ  | GV  | ThS | TLGD      |
| 84 | Nguyễn Minh Tuyên    | 17/02/1984 | Nam | GV  | ThS | Chính trị |
| 85 | Nguyễn Quỳnh Anh     | 10/02/1994 | Nữ  | GV  | ThS | QLGD      |
| 86 | Phạm Minh Hồng       | 22/12/1986 | Nữ  | GV  | ThS | T.Anh     |

**C. Công khai tỷ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi**

| II | Khối ngành   | Tỷ lệ Sinh viên/Giảng viên cơ hữu quy đổi |
|----|--------------|-------------------------------------------|
| 1  | Khối ngành I | 8,27                                      |

\* Ghi chú: Tính đến thời điểm báo cáo, số sinh viên của Trường là: 712

**Bắc Ninh, ngày 29 tháng 6 năm 2022**

**HIỆU TRƯỞNG**

**TS. Nguyễn Hữu Tuyên**